TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-10- 2019
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đồng Nhân;

Ông Trần Như Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 06 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 09 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Võ Thị Bé Th, sinh năm 1989 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Cao Văn N, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Cây T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 06 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Bé Th trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Năm 2011 bà Th và ông N có tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Lý do xin ly hôn: Khi thành hôn vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông N có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Bà Th và ông N sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không

hàn gắn được hôn nhân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông N.

- Về nuôi con chung: Có 01 người con tên Cao Tiến D, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2012 (nam). Khi ly hôn bà Th giao Tiến D cho ông N nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Bà Th tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 05 tháng 08 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Cao Văn N trình bày:*

- Về hôn nhân: Thời điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân đúng như lời trình bày của bà Th, vào năm 2011 ông N quen biết bà Th do sống gần nhà, đến tháng 9 năm 2011 ông N, bà Th kết hôn, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau vào năm 2011.

Mâu thuẫn vợ chồng là có xảy ra, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do ông N quen biết người phụ nữ khác, nhưng hiện nay không còn, ông N đã sữa đổi tính tính và còn thương bà Th. Ông N và bà Th sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 đến nay, thời gian ly thân ông N có điện thoại, nhắn tin khuyên bà Th về chung sống lại nhưng bà Th không đồng ý. Nay tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông N không đồng ý ly hôn với bà Th.

- Về nuôi con chung: Có 01 người con tên Cao Tiến D, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2012 (nam). Hiện Tiến D đang sống chung với ông N, trường hợp ly hôn, ông N yêu cầu được nuôi Tiến D, việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Ông N tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà Th và ông N vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà Võ Thị Bé Th yêu cầu ly hôn với ông Cao Văn N, bà Th giao con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Đối với ông Cao Văn N đã được Tòa án thông báo hợp lệ các phiên xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Cao Văn N.

Bà Võ Thị Bé Th có đơn xin vắng mặt các phiên xét xử, vì hoàn cảnh khó khăn, bận đi làm xa nên không thể tham gia phiên tòa được, yêu cầu này của bà

Th là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà Võ Thị Bé Th và ông Cao Văn N có thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới gã theo phong tục tập quán địa phương vào năm 2011, hôn nhân đã lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 20 tháng 9 năm 2011, tại Giấy chứng nhận kết hôn số 146/2011, quyển số 02/2010. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà Võ Thị Bé Th và ông Cao Văn N được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa bà Th và ông N thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tin tưởng vào tình cảm của nhau. Ông N, bà Th xác định vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 đến nay, thời gian ly thân giữa hai đương sự vẫn không khắc phục được mâu thuẫn nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông N, tuy nhiên ông N không đồng ý ly hôn vì còn thương bà Th. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà Th và ông N đã đến mức trầm trọng, bởi lẽ sau khi Tòa án tiến hành phiên hòa giải ngày 05/9/2019 đến nay thì cả hai đương sự vẫn duy trì tình trạng ly thân, bà Th và ông N đã thỏa thuận với nhau về việc cấp dưỡng cho con, chia tài sản và công nợ. Do đó mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Bé Th đối với ông Cao Văn N theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con chung: Có 01 người con tên Cao Tiến D, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2012 (nam). Hiện nay Tiến D đang sống chung với ông N. Bà Th và ông N thỏa thuận thống nhất trường hợp ly hôn, bà Th đồng ý giao Tiến Dũ cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Việc thỏa thuận nuôi con khi ly hôn của bà Th, ông N là phù hợp với nguyện vọng của cháu Dũng và quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung, công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự*"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Võ Thị Bé Th phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Th được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Võ Thị Bé Th ly hôn với ông Cao Văn N.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Th và ông N. Giao cháu Cao Tiến D, sinh ngày 08/9/2012 (nam) cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Võ Thị Bé Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà Th được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006754 ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan thực hiện việc đang ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền